

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Anh Huê

2. Bà Đậu Thị Phú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đình T; địa chỉ: Xóm 1, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Lê Thị Hồng T; địa chỉ: Xóm 1, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/7/2023, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Hồng T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày

01/7/2011 tại UBND xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng là từ năm 2020. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn sự tôn trọng lẫn nhau, chị T hay bài bạc, sống không chung thủy, không chăm lo cho con cái và gia đình. Chị T đã bỏ nhà đi từ năm 2021 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại, anh nhận thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với chị T để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Theo anh T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Đình N, sinh ngày 22/8/2012 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/10/2017. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con và yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi con thành niên. Trường hợp, Tòa án xét xử mỗi người nuôi một con thì anh cũng đồng ý và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày, vợ chồng có tài sản chung là: 01 thửa đất và nhà ở trên đất có giá trị khoảng 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng); 01 thửa đất có giá trị khoảng 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng); 01 ô tô nhãn hiệu Toyota Innova giá trị khoảng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và 01 ô tô nhãn hiệu CX3 giá trị khoảng 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, vợ chồng không có nợ chung gì. Tại phiên họp và hoà giải ngày 18/01/2024, trước khi đưa vụ án ra xét xử, anh T rút yêu cầu, không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hoà giải và tại phiên toà bị đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thì giữa chị và anh Nguyễn Đình T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình một thời gian. Đến năm 2020 vợ chồng làm nhà và sống tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tình cảm vợ chồng dần dần rạn nứt, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra nhất là sau khi làm nhà mới. Anh T thường xuyên uống rượu, đánh đập, xúc phạm chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Tại bản tự khai ngày 17/8/2023, chị T mong muốn được ly hôn với anh Nguyễn Đình T. Tuy nhiên, đến tại các phiên hoà giải tiếp theo chị T trình bày mong muốn anh T thay đổi, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên toà, chị T thống nhất ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Đình N, sinh ngày 22/8/2012 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/10/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không đồng nhất quan điểm về việc giải quyết về con chung. Tại bản tự khai, phiên hoà giải ngày 17/8/2023, chị T có nguyện vọng ly hôn và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con

chung. Tại phiên hoà giải tiếp theo chị T thay đổi ý kiến, không muốn ly hôn nên không muốn giải quyết về con chung của vợ chồng. Tại phiên hoà giải ngày 18/01/2024, chị T ban đầu mong muốn được ly hôn và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương T. Tuy nhiên, sau đó chị T lại tiếp tục thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn cũng như giải quyết về con chung. Tại phiên toà, chị T đề nghị giải quyết về quan hệ con chung, mong muốn được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, Toà án xét xử mỗi người nuôi một con thì chị T cũng đồng ý và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Hồng T.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đình N, sinh ngày 22/8/2012 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/10/2017 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của anh Nguyễn Đình T về việc chia tài sản khi ly hôn.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn thống nhất tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình T chịu tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đình T khởi kiện xin ly hôn đối với chị Lê Thị Hồng T, quyền được nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 01/7/2011, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lễ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẻ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa anh T và chị T đã không thực hiện được. Cuộc sống chung vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng và không tin tưởng lẫn nhau, do vậy thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau; hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc gì đến nhau.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, hai bên không thống nhất được việc ly hôn. Tại các phiên họp và hoà giải, chị T không thống nhất, luôn thay đổi trong quan điểm, ý kiến trình bày về việc ly hôn, giải quyết vụ án. Chị T cho rằng, mặc dù giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng, tình cảm bị rạn nứt nhưng vì thương con, vì gia đình nên không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T lại không có phương án, biện pháp khắc phục, giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Đồng thời yêu cầu, đề nghị mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc của chị T cũng không được anh T đồng ý, chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa, anh T và chị T xác định hai bên không thể tìm được hướng đi chung, không còn giải pháp hàn gắn và xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung cùng nhau được nên thống nhất thỏa thuận tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Hồng T.

[3] Về quan hệ con chung:

[3.1] Giữa anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Hồng T có 02 con chung tên là Nguyễn Đình N, sinh ngày 22/8/2012 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/10/2017. Quá trình giải quyết vụ án các bên không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, anh T và chị T đều có nguyện vọng mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung. Trường hợp, yêu cầu, đề nghị nuôi dưỡng cả hai con không được chấp nhận mà Tòa án xét xử mỗi người nuôi một con thì anh T, chị T cũng đồng ý và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.2] Xét nguyện vọng mong muốn được nuôi con của anh T, chị T là hoàn toàn hợp pháp, chính đáng. Tuy nhiên, xét điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên cũng như để bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho mỗi người nuôi dưỡng một con chung như vậy là phù hợp. Giao con chung Nguyễn Đình N cho anh T trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung Nguyễn Phương T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cho mỗi người nuôi một con sau khi ly hôn và các bên cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu Tòa xét xử mỗi người nuôi một con nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, anh Nguyễn Đình T rút yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Xét thấy, việc rút yêu cầu của anh Nguyễn Đình T là phù hợp, hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng tạm thu của nguyên đơn là 8.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 6.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại 2.000.000 đồng đã được giao trả lại cho nguyên đơn. Nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung và thống nhất tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng 6.000.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Đình T chịu tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình T và chị Lê Thị Hồng T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đình N, sinh ngày 22/8/2012 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 08/10/2017 cho chị Lê Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của anh Nguyễn Đình T về việc chia tài sản khi ly hôn.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn thống nhất tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 6.000.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình T chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí anh T phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002329 ngày 27/7/2023.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/4/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Phù Hoá;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực